

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tiếng Việt: Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
- Tiếng Anh: Hanoi Industrial Textile Garment University

2. Địa chỉ và thông tin liên hệ

- Địa chỉ: xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243-8276 514
- Email: phongtchc@hict.edu.vn
- Website: www.hict.edu.vn

3. Loại hình: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, triết lý giáo dục

Tầm nhìn

Đến năm 2045 trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng hàng đầu của Việt Nam, tiên phong trong lĩnh vực dệt may, phục vụ yêu cầu phát triển bền vững của đất nước.

Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực định hướng ứng dụng có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên nghiệp trong môi trường toàn cầu; có năng lực nghiên cứu, tổ chức sản xuất thử nghiệm và chuyển giao công nghệ phục vụ ngành công nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực dệt may.

Giá trị cốt lõi

Chất lượng – Năng động – Đáp ứng nhu cầu xã hội

Triết lý giáo dục

Phát triển trường học tư duy, người học chủ động. Vì thế hệ sinh viên chuyên nghiệp, sáng tạo và hội nhập

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường:

Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội là trường đại học công lập theo định hướng ứng dụng, tiền thân là trường Đào tạo Bồi dưỡng Kỹ thuật Nghiệp vụ May mặc được thành lập theo Quyết định số 27/NT ngày 19/01/1967 của Bộ trưởng Bộ Nội thương. Trải qua nhiều lần đổi tên và nâng cấp, tại Quyết số 769/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/6/2015 Trường được nâng cấp thành trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà

Nội. Với tầm nhìn đến năm 2045 trở thành trường đại học hàng đầu trong lĩnh vực dệt may, trường đặt mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, sáng tạo, hội nhập toàn cầu.

Hiện nay, trường đào tạo 11 ngành đại học và 2 ngành cao đẳng với khoảng 5.000 sinh viên. Ngoài ra, trường còn tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn theo nhu cầu doanh nghiệp. Đội ngũ giảng viên toàn thời gian gồm 200 người, trong đó hơn 80% có trình độ sau đại học và 100% có kinh nghiệm thực tiễn doanh nghiệp.

Cơ sở vật chất gồm hai cơ sở tại Hà Nội và Bắc Ninh, với hệ thống giảng đường, phòng thực hành, thư viện, ký túc xá hiện đại và nhà máy sản xuất dịch vụ đóng vai trò đào tạo thực hành cho sinh viên. Trường có mối quan hệ hợp tác với hơn 30 quốc gia, áp dụng mô hình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp, sản xuất thực tế.

Trường đã được trao tặng nhiều danh hiệu cao quý như Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động và bằng khen của Chính phủ.

Với nền tảng hơn 50 năm phát triển, trường đang tiếp tục mở rộng quy mô, đổi mới đào tạo, đẩy mạnh hợp tác quốc tế để trở thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao cho ngành dệt may Việt Nam.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện của Nhà trường để liên hệ:

- Họ và tên: TS. Hoàng Xuân Hiệp
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội – xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 02438276694
- Email: hiephx@hict.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Các Quyết định thành lập, cho phép hoạt động giáo dục của Nhà trường

- Quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội trên cơ sở tổ chức lại trường Cao đẳng Công nghiệp – Dệt May Thời trang Hà Nội.

- Quyết định số 537/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 02 năm 2016 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội tổ chức hoạt động đào tạo trình độ đại học chính quy.

7.2. Quyết định công nhận và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 132A/QĐ-TĐDMVN ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc công nhận Hội đồng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025.

- Quyết định số 133/QĐ-TĐDMVN ngày 18 tháng 7 năm 2020 của Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức vụ chính quyền/đoàn thể
1	Lê Tiến Trường	Phó Bí thư Đảng ủy, Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Trường
2	Trương Văn Cẩm	Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hiệp hội Dệt May Việt Nam
3	Nguyễn Văn Thông	Nguyên viện trưởng Viện Dệt May
4	Nguyễn Văn Thiện	Tổng giám đốc Công ty CP Tổng công ty may Bắc Giang LNG
5	Hoàng Xuân Hiệp	Ủy viên BTV Đảng ủy Tập đoàn DMVN, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
6	Nguyễn Thu Phượng	Ủy viên BTV Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
7	Đặng Thị Thúy Hồng	Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ; Giám đốc TT Thực hành may Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
8	Ngô Thị Thanh Mai	Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ; Trưởng khoa Công nghệ may Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
9	Nguyễn Thị Thu Hường	Phó Bí thư, Chủ nhiệm UBKT ĐU, Thư ký Hội đồng trường Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
10	Phùng Thị Hạnh	Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ; Trưởng phòng Đào tạo Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
11	Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên BTV Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng, Giám đốc trung tâm SXDV Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội

STT	Họ và tên	Chức vụ chính quyền/đoàn thể
12	Nguyễn Văn Anh	Ủy viên BTV Đảng ủy, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
13	Nguyễn Văn Đức	Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội
14	Nguyễn Tùng Lâm	Viện trưởng Viện năng suất Việt Nam
15	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Đại diện Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

7.3. Quyết định bổ nhiệm và công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội

- Quyết định số 856/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

- Quyết định số 142/QĐ-TĐDMVN ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2025

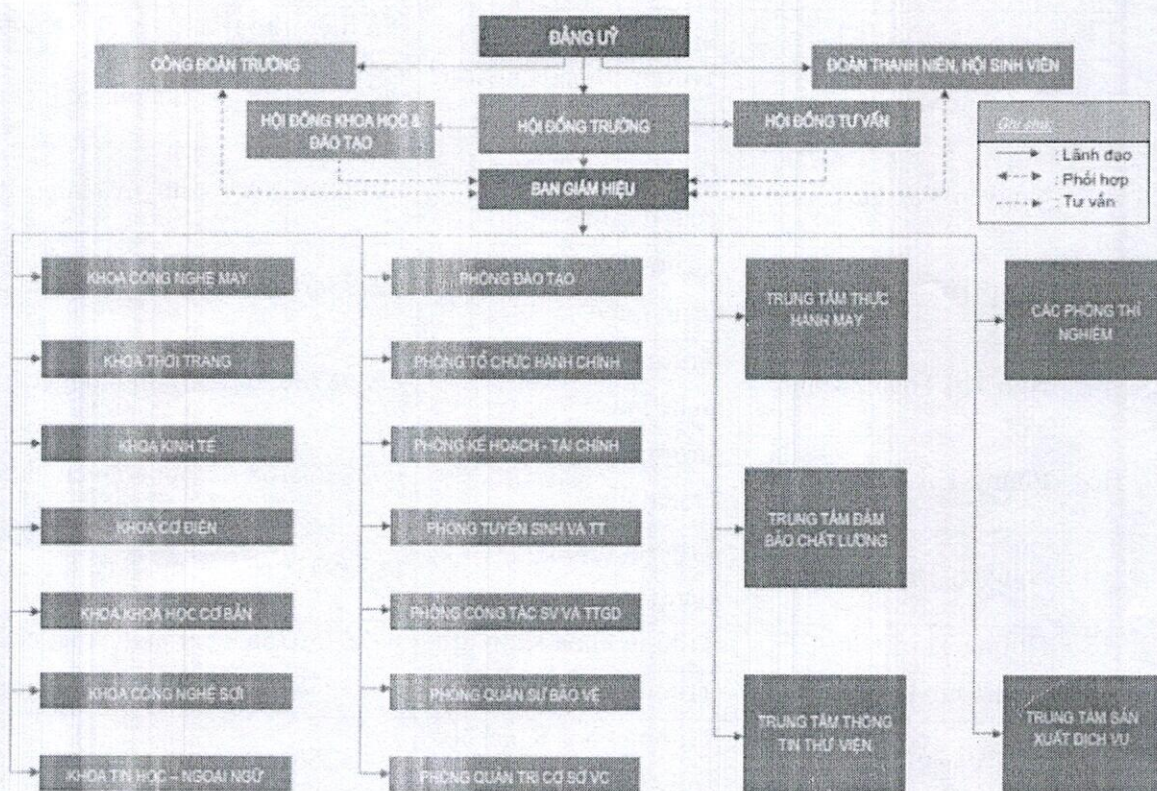
- Quyết định số 1486/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm cán bộ ông Nguyễn Văn Đức – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

- Quyết định số 1710/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm lại cán bộ bà Nguyễn Thu Phượng – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

- Quyết định số 248/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tổng giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt về việc bổ nhiệm cán bộ ông Nguyễn Quang Vinh– Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;

7.4. Quy chế tổ chức, chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của trường

Quyết định số 849/QĐ-ĐHCNDMHN ngày 06/08/2020 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội (**File đính kèm**)



7.5. Họ tên, chức vụ, điện thoại, thông tin liên hệ của Ban Giám hiệu và các Trưởng đơn vị trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Email
1	Hoàng Xuân Hiệp	Hiệu trưởng	0913089681	hiephx@hict.edu.vn
2	Nguyễn Thu Phương	Phó Hiệu trưởng	0989832166	phuongnt74@hict.edu.vn
3	Nguyễn Văn Đức	Phó Hiệu trưởng	0946169980	ducnv@hict.edu.vn
4	Nguyễn Quang Vinh	Phó Hiệu trưởng	0988707177	vinhnq@hict.edu.vn
5	Nghiêm Thị Hoài	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính	0988882822	hoaint@hict.edu.vn
6	Phùng Thị Hạnh	Trưởng phòng Đào tạo	0988386066	hanhpt@hict.edu.vn
7	Nguyễn Văn Anh	Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính	0912466474	anhnv@hict.edu.vn
8	Đoàn Thị Hương Thủy	Trưởng phòng Tuyển sinh & Truyền thông	0913028498	thuydth@hict.edu.vn
9	Nguyễn Hùng Tâm	Trưởng phòng CTSV&TTGD	0912011844	tamnh@hict.edu.vn
10	Nguyễn Hữu Sơn	Trưởng phòng Quản trị cơ sở vật chất	0915093092	sonnh@hict.edu.vn

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Email
11	Nguyễn Mạnh Huân	Trưởng phòng Quân sự Bảo vệ	0972006195	huannm@hict.edu.vn
12	Nguyễn Văn Huy	Giám đốc TT Đảm bảo chất lượng	0913198289	huynv@hict.edu.vn
13	Đặng Thị Thúy Hồng	Giám đốc TT Thực hành may	0973340757	hongdth@hict.edu.vn
14	Ngô Thị Thanh Mai	Trưởng khoa Công nghệ may	0989878870	maintt@hict.edu.vn
15	Phùng Thị Ái	Trưởng khoa Tin học – Ngoại ngữ	0988569768	aipt@hict.edu.vn
16	Nguyễn Thị Thanh Huệ	Trưởng khoa Thời trang	0983941916	huentt@hict.edu.vn
17	Dương Thị Tân	Trưởng khoa Kinh tế	0986736756	tandt@hict.edu.vn
18	Phan Đức Khánh	Trưởng khoa Cơ điện	0913538190	khanhpd@hict.edu.vn
19	Lưu Văn Thiêm	Trưởng khoa Khoa học cơ bản	0903263462	thiemlv@hict.edu.vn

8. Các văn bản khác của trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội

TT	Số hiệu	Tên loại và trích yếu nội dung văn bản
1	Các Nghị quyết của Hội đồng trường:	
1.1	Nghị quyết số 529/NQ-ĐHCNDMHN	Nghị quyết số 529/NQ- ĐHCNDMHN ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng trường trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết V/v đổi tên trường;
1.2	Nghị quyết số 1240/NQ-ĐHCNDMHN	Nghị quyết số 1240/NQ- ĐHCNDMHN ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng trường trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội về việc thông qua Đề án rà soát đội ngũ giảng viên; Đề án rà soát vị trí việc làm và quy trình thực hiện công việc của khối phòng chức năng; Đề án thành lập Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và thiết kế thuộc trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;
1.3	Nghị quyết số 1542/NQ-ĐHCNDMHN	Nghị quyết số 1542/NQ- ĐHCNDMHN ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng trường trường Đại

TT	Số hiệu	Tên loại và trích yếu nội dung văn bản
		học Công nghiệp Dệt May Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư năm học 2024-2025.
2	Các quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính	
2.1	Quyết định số 688/QĐ-ĐHCNDMHN ban hành ngày 20/5/2024	Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, luân chuyển viên chức quản lý
2.2	Quyết định số 468/QĐ-ĐHCNDMHN ban hành ngày 08/4/2024	Chế độ làm việc đối với giảng viên
2.3	Quyết định số 1168/QĐ-ĐHCNDMHN ban hành ngày 22/8/2024	Quy chế chi tiêu nội bộ của trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội;
3	Quy định về tuyển dụng, các kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Trường:	
3.1	Quyết định số 669/QĐ-ĐHCNDMHN ban hành ngày 29/6/2018	Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, tập sự
3.2	Thông báo số 524/TB-ĐHCNDMHN ngày 18/4/2024	Thông báo V/v cân đối năng lực, lập kế hoạch tuyển dụng đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, giảng viên, công nhân viên năm học 2024-2025
3.3	Kế hoạch số 1410/TB-ĐHCNDMHN ngày 10/10/2024	Kế hoạch tuyển dụng năm học 2024-2025;
3.4	Thông báo số 1804/TB-ĐHCNDMHN ngày 11/12/2024	Tuyển dụng giảng viên năm học 2024-2025;

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	21,56%	14,4%
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	98%	100%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	20,50%	10,20%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	200	0	159	40	1	
a	Khối ngành II						
1	Ngành Thiết kế thời trang	63		55	8		
2	Ngành thiết kế đồ họa	43		37	6		
b	Khối ngành III						
1	Ngành Marketing	52		46	6		
2	Ngành Kế toán	43		37	6		
3	Thương mại điện tử	40		33	7		
c	Khối ngành V						
1	Ngành Công nghệ Sợi, Dệt	41		37	3	1	
2	Ngành Công nghệ may	143		118	25		
3	Ngành Quản lý Công nghiệp	70		57	13		
4	Ngành Quản trị kinh doanh	40		34	6		
5	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	40		26	14		
6	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	41		26	15		
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
2.1	Lĩnh vực nghệ thuật	106		92	14		
2.2	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	245		207	38		
2.3	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	265		207	57	1	

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	16	16
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	70	72
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	32%	33%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m2)	16,17	16,17
2	Diện tích sàn/người học (m2)	7,45	8,2
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	76,60%	55%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	70,27	70,27
5	Số bản sách/người học	8,6	8,6
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	15,10%	15,11%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	125	125

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở	Xã Lệ Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	24,405	14,497
2	Trụ sở chính	Phường Xuân Lâm, thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh	31,401	11,539
Tổng cộng			55,806	26,036

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (đồng)
1	Xây mới tòa nhà		
2	Nâng cấp tòa nhà		
	a. Sửa chữa, cải tạo tường nhà C3	Xuân Lâm, Thuận Thành, Bắc Ninh	24,193,224
	b. Sửa chữa, lắp mới mái tôn Nhà xe	Xuân Lâm, Thuận Thành, Bắc Ninh	37,290,240
	c. Sửa chữa, nâng cấp nhà A1	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	90,032,900
Tổng cộng			151,516,364

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):

Tên đầy đủ: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

Tên viết tắt: CEA-AVU&C.

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Theo Thông tư số 12/2017 ITT -BGDDT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 19/05/2017 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 04 tháng 05 năm 2022 đến 04 tháng 05 năm 2027.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7540209	Công nghệ may	Công nghệ may	CEA-AVU&C	25/09/2028
2	7540601	Quản lý công nghiệp	Quản lý công nghiệp dệt may	CEA-AVU&C	25/09/2028

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	77,20%	78,70%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	0,80%	0,53%
3	Tỷ lệ thôi học	4,26%	6,04%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	11,34%	11,40%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	73,40%	78,03%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	67,20%	73,41%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	91,40%	88,60%
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	75,00%	75,60%
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	85,10%	90,80%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm sau 12 tháng
				Năm 2024	
I	Đại học	3858	1000	696	
1	Lĩnh vực II – Nghệ thuật (ngành TKTT)	601	200	86	
1.1	Thiết kế Thời trang	535	134	86	92,86%
1.2	Thiết kế đồ họa	66	66		
2	Lĩnh vực III – Kinh doanh và quản lý (QTKD, KT, TMĐT, Marketing)	432	99	8	
2.1	Marketing	229	48	8	100%
2.2	Quản trị kinh doanh	11	11		
2.3	Kế toán	152	22		
2.4	Thương mại điện tử	40	18		
3	Lĩnh vực V – Công nghệ kỹ thuật (QLCN, CNKTCK, Điện)	523	109	91	
3.1	Quản lý công nghiệp	361	61	79	100%
3.2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	55	15	5	100%
3.3	Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử	107	33	7	100%
4	Lĩnh vực V – Sản xuất và chế biến (CNSD, CNM)	2302	592	511	
4.1	Công nghệ Sợi, Dệt	98	49		
	Chính quy	24	3	6	100%
	Vừa làm vừa học	74	46		
4.2	Công nghệ may	2204	543		
	Chính quy	2147	485	505	97,09%
	Vừa làm vừa học	57	57		

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	2,6%	
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,38	
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	03/200	

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm 2024 (VNĐ)
1	Đề tài cấp Nhà nước	1	1,156,067,603
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	3	1,052,841,610
3	Đề tài cấp cơ sở	42	730,328,470
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	
	Tổng số	46	2,939,237,683

2. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	43	43
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	3	3
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	10	0
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0,01%	1,10%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	40,21%	29,40%

2. Kết quả thu chi hoạt động

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	2024	2023
		(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	85,034	76,7281
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	0	0
II	Thu giáo dục và đào tạo	80,235	71,1572
1	Học phí, lệ phí từ người học	78,725	71,1572
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	1,5106	0
4	Thu khác	0	0
III	Thu khoa học và công nghệ	0	4,0861
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	3,9901
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0,096
3	Thu khác	0	0
IV	Thu nhập khác (thu nhập ròng)	4,7989	1,4848
	<i>Tổng nguồn thu học phí và hỗ trợ chi thường xuyên</i>	<i>78,725</i>	<i>71,1572</i>
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	73,921	83,9868
I	Chi lương, thu nhập	56,988	56,9542
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	39,891	41,1437
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	17,096	15,8105
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	13,691	23,436
1	Chi cho đào tạo	12,812	21,135
2	Chi cho nghiên cứu	0,6014	0,9107
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0,109	0,1904
4	Chi phí chung và chi khác	0,1692	1,1999
III	Chi hỗ trợ người học	3,2423	3,5966
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	2,9357	3,5425

	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	2024	2023
		(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)
2	Chi hoạt động nghiên cứu	0,119	0,0541
3	Chi hoạt động khác	0,1876	0
IV	Chi khác	0	0
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	11,11	-7,26
	<i>Chênh lệch thu chi/Tổng thu</i>	<i>13,07</i>	<i>-9,46</i>

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Mở ngành mới	Ngành	1-2	2	100%
2	Sáng kiến kinh nghiệm	Sáng kiến	4-7	4	100%
3	Tổ chức hội thảo khoa học	Hội thảo	5-7	10	142.9%
4	Biên soạn giáo trình				
	+ Biên soạn mới	Cuốn	6-7	5	83.3%
	+ Xuất bản sách, giáo trình	Cuốn	5	3	60%
5	Triển khai chương trình hợp tác quốc tế	Chương trình	1	0	0%
6	Ký thỏa thuận hợp tác với đối tác	Thỏa thuận			
	+ Trong nước		7-10	7	100%
	+ Nước ngoài		1-2	4	200%
7	Cử giảng viên đi bồi dưỡng tại doanh nghiệp	%	6	6	100%
8	Cử giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài	Lượt	1-2	4	200%
9	Cử giảng viên đi học	Người			
	+ Cao học		2-3	5	166.7%
	+ NCS		4-5	2	50%
10	Tự đánh giá CTĐT	Chương trình	2	5	250%

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Xuân Hiệp